

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-PT

Ngày: 02/6/2022

"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên và ông Nguyễn Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 11/2022/TLPT-DS ngày 19/4/2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐXX-PT ngày 17/5/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số X khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A, khu B, phường K, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Đăng L1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Bùi Thị L2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

- Ông Vũ Đăng K1, sinh năm 1954; Sinh quán: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Hiện đang điều trị và nuôi dưỡng tại: Trung tâm Nuôi dưỡng Tâm thần Người có công và Xã hội- Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Khu dân cư Tân Tiến, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông K1: Bà Đặng Thị C, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K1: Bà Nguyễn Thị S- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Vũ Thị K2 (tên gọi khác: H2), sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Bùi Thị L2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị K2 (tên gọi khác: H2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Cụ Vũ Đăng H2 và cụ Vũ Thị T có 06 người con chung là ông Vũ Đăng K1, bà Vũ Thị K2, ông Vũ Đăng N, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị H1 và ông Vũ Đăng L1 trong đó ông N chết khi được 4 tuổi. Ngoài ra, các cụ không còn ai là con nuôi, con riêng nào khác. Cụ H2 chết ngày 25/4/2013, cụ T chết ngày 25/6/2011, đều không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại là quyền sử dụng đất diện tích 477m² tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 9, đất thổ cư, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương đứng tên người sử dụng cụ Vũ Đăng H2, được ghi nhận tại hồ sơ 299. Quá trình sử dụng đất, các cụ đã đào đất để lấy đất đóng gạch nên hiện trạng đất có một phần đất trũng và đất liền thổ (bản đồ đo vẽ năm 2001 là tờ bản đồ 6, thửa đất số 522, diện tích 82,9m² và thửa 491 diện tích 365,3m² đất thổ cư). Gia đình cụ H2 sử dụng đất ổn định cho đến nay, đất không có tranh chấp về mốc giới với các hộ giáp ranh, diện tích thửa đất thay đổi qua các thời kỳ là sai số do đo đạc. Tài sản trên đất là 01 nhà nhỏ cấp 4 và một phần tường bao đã xuống cấp trầm trọng, không có giá trị sử dụng, cây mít có giá trị không lớn, cây xoan dại mọc tự nhiên, cỏ dại, các đương sự đều không đề nghị giải quyết, nếu thuộc phần đất của ai được phân chia thì người đó được sử dụng, không phải trả chênh lệch giá trị. Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2, cụ T đều đề nghị Tòa án chia phần di sản của các cụ và xin được nhận bằng hiện vật.

- Về việc chăm sóc, phụng dưỡng cụ H2 và cụ T:

+ Bị đơn ông L1 trình bày: Ông L1, bà L2 kết hôn năm 1995 và sống cùng hai cụ cho đến năm 2004 thì tự mua đất, xây nhà ra ở riêng, cách nhà các cụ khoảng 100m. Khi đó hai cụ còn khỏe tự chăm sóc nhau, vợ chồng ông thường xuyên qua lại thăm hỏi, hỗ trợ các cụ việc nhà, còn các chị gái đi lấy chồng thỉnh thoảng về. Thời điểm năm 2009 cụ H2 (93 tuổi), cụ T (83 tuổi) đều đã già yếu hơn, vợ chồng

ông muốn đón hai cụ ra ở cùng để tiện chăm sóc đêm hôm nhưng chỉ cụ H2 đồng ý. Cụ H2 ở với vợ chồng ông từ tháng 02/2009, còn cụ T ra ở cùng từ tháng 4/2010 cho đến khi các cụ lần lượt qua đời, tổng là 5 năm. Hai cụ được hưởng trợ cấp người cao tuổi và lĩnh tiền trợ cấp của ông K1 mỗi tháng khoảng 600.000 đồng, số tiền này các cụ giữ để tự mua quà vật ăn theo sở thích; toàn bộ các chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc hai cụ là do vợ chồng ông chi, các bà N, H1, K2 không ai đóng góp tiền nuôi bố mẹ với ông bà cho đến khi bố mẹ qua đời. Nay bà N khởi kiện, vợ chồng ông yêu cầu những người thừa kế trả cho ông bà số tiền đã chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ từ năm 2009 đến năm 2013 là 5 năm, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/2cụ, thành tiền: 120.000.000 đồng.

+ Bà N, bà K2, bà H1 đều xác định vợ chồng ông L1 có thời gian chăm sóc cho cụ H2, cụ T, tuy nhiên các bà không đồng ý với yêu cầu của ông L1 về việc các bà phải trả cho ông L1 số tiền 120.000.000 đồng.

- Về yêu cầu tính chi phí sang cát, xây mộ cho cụ H2, cụ T và các ngôi mộ trong gia đình:

+ Ông L1 trình bày: Đầu tháng 11/2018, các chị em đã họp bàn và thống nhất sang cát, bốc mộ và xây mộ mới cho cụ H2, cụ T; sửa chữa, nâng cấp, quy tụ mộ của bố mẹ cụ H2, bố mẹ cụ T, mộ ông Nhân, tổng là 07 ngôi mộ vào một khu đất. Chị em thống nhất mỗi người con đóng 10.000.000 đồng, còn chi tiết xây mới, sửa chữa các phần mộ như thế nào là do vợ chồng ông lo L1, tính toán. Sau đó, các bà N, H1 và K2 đóng mỗi người 10.000.000 đồng; bà Đỗ Thị Luyên ở xã Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh (là con gái của cụ Phơ (em gái cụ T)) góp 5.000.000 đồng vì trong khuôn viên có phần mộ của các cụ nội, ngoại bà Luyên. Tổng số tiền thu được là 45.000.000 đồng (tính cả phần ông L1 đóng 10.000.000 đồng). Tổng chi phí xây mộ, sang cát cho bố mẹ và sửa chữa các phần mộ nêu trên là 56.755.000 đồng. Số tiền vợ chồng ông chi thêm là 11.755.000 đồng (chưa tính phần của ông K1). Nếu bà N không khởi kiện thì ông bà không đề nghị gì nhưng nay bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ H2 cụ T, vợ chồng ông đề nghị những người được hưởng thừa kế của bố mẹ phải trích trả lại cho vợ chồng ông số tiền còn thiếu là 11.755.000 đồng, nếu các bà yêu cầu trừ phần tiền của ông K1 thì ông L1 tự nguyện nộp thay cho ông K1 10.000.000 đồng, số tiền còn lại yêu cầu chia đều cho 5 người con.

+ Bà N, bà H1, bà K2 không nhất trí với yêu cầu của ông L1.

- Về số tiền 25.000.000 đồng chi phí lo cho ông K1: Ngày 22/10/2020, bà L2 rút yêu cầu và trình bày muốn đưa ra nội dung này để các chị chồng hiểu và biết đến sự vất vả, lo toan của vợ chồng bà đối với ông K1. Ông bà không đề nghị giám định sức khỏe tâm thần đối với ông K1.

- Kết quả thẩm định, định giá tài sản: Về đất ở: Thửa đất số 491 tờ bản đồ 6, diện tích 388,2m²; thuộc khu vực 3, vị trí 3, nhóm I, đất ở tại các vị trí còn lại ở nông thôn, giá trị 550.000đ/m²x 388,2m²= 213.510.000 đồng; Về đất ao: Thửa đất

số 522, tờ bản đồ số 6, diện tích 73,7m² đất nuôi trồng thủy sản, giá 75.000đ/m², giá trị 73,7m²x75.000đ/m²=5.527.500 đồng. Tổng giá trị toàn bộ thửa đất là 219.037.500 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 27/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã quyết định: Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 468, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật người cao tuổi; Điều 26, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Vũ Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đăng H2 và cụ Vũ Thị T ở Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đăng H2 và cụ Vũ Thị T để lại là giá trị quyền sử dụng 461,9m² đất thổ cư, tại thửa số 491 và thửa 522, tờ bản đồ số 6 (bản đồ đo vẽ năm 2001) tại Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; trị giá 254.045.000 đồng; Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H2, cụ T là 05 người gồm: Ông Vũ Đăng K1, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị H1, bà Vũ Thị K2 và ông Vũ Đăng L1; Trích trả công sức trông nom, quản lý, bảo vệ di sản cho vợ chồng ông Vũ Đăng L1, bà Bùi Thị L2 là 76,4m² đất ở = 42.020.000 đồng.

Xác định di sản còn lại của cụ H2, cụ T để phân chia theo pháp luật là 385,5m² đất ở, trị giá 212.025.000 đồng cho ông K1, bà N, bà H1, bà K2 và ông L1. Giao cho bà Vũ Thị N được quản lý, sử dụng 77,1m² đất; Giao cho ông Vũ Đăng K1 được quản lý, sử dụng 77,1m² đất; Giao cho vợ chồng ông Vũ Đăng L1, bà Bùi Thị L2 được quản lý, sử dụng 307,7m² đất; Ông L1, bà L2 phải thanh toán trả cho bà Vũ Thị K2, bà Vũ Thị H1 mỗi người là 42.405.000 đồng.

- Ngày 04/02/2022, bà Vũ Thị K2 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng giao cho bà được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật và giao cho bà N, bà H1, bà K2 sử dụng chung vào một phần.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K2, bà H1 tiếp tục đề nghị được chia di sản thừa kế bằng hiện vật và có nguyện vọng được chia chung phần di sản thừa kế được hưởng với bà N; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K1 đề nghị Hội đồng xét xử bảo vệ quyền và N vụ cho ông K1 và xác nhận việc vợ chồng ông L1, bà L2 có công chăm sóc ông K1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia lại di sản bằng hiện vật cho bà N, bà H1 và bà K2 là quyền sử dụng đất diện tích 307.7m², các bà sẽ trả giá trị phần di sản cho ông L1, bà L2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý

đến khi xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị K2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho ông L1 153,5m², giao cho bà N, bà H1, bà K2 213,3m² giao cho ông K1 77,1m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L1 có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi và N vụ liên quan – bà Vũ Thị K2 có đơn kháng cáo. Bà K2 là người có quyền kháng cáo, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N vắng mặt và có đơn trình bày do bà đang điều trị bệnh nên không có mặt tham gia phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy bà N không kháng cáo nhưng có quan điểm đồng ý với nội dung kháng cáo của bà K2, tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N. Bà C, ông K1 không kháng cáo và vắng mặt nhưng việc vắng mặt của bà C, ông K1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông K1, bà Ca.

[2] Về nội dung:

[2.1] Di sản thừa kế của cụ H2, cụ T để lại là quyền sử dụng 461,9m² đất thổ cư (gồm thửa 491 diện tích 388,2m² và thửa 522 diện tích 73,7m², tờ bản đồ 6), tại Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; thuộc khu vực 3, vị trí 3, nhóm I, đất ở tại các vị trí còn lại ở nông thôn, giá trị 1m² đất là 550.000 đồng, trị giá 254.045.000 đồng.

Trong thời gian cụ H2, cụ T già yếu cho đến khi các cụ qua đời đến nay vợ chồng ông L1 là người đóng thuế nhà đất của các cụ cho nhà nước đến hết năm 2016 thì được miễn, thường xuyên qua lại phần đất này để quản lý, trông coi, bảo vệ. Ngoài ra, có căn cứ xác định ông L1, bà L2 có công sức nhiều hơn những người thừa kế khác trong việc chăm sóc, phụng dưỡng bố mẹ, chăm sóc ông K1 nên khi chia thừa kế cần trích công sức trông nom, quản lý, bảo vệ, duy trì di sản cho vợ chồng ông L1, bà L2 bằng khoảng một suất thừa kế theo pháp luật là 42.020.000 đồng tương đương 76,4m² đất ở là phù hợp.

Như vậy, di sản của cụ H2, cụ T là giá trị quyền sử dụng đất 461,9m² đất thổ cư trị giá 254.045.000 đồng, trừ công trông nom, quản lý, bảo vệ, duy trì di sản cho vợ chồng ông L1 là 42.020.000 đồng, di sản còn lại trị giá 212.025.000 đồng. Chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà N, bà H1, bà K2, ông K1 và ông L1 mỗi người được hưởng 42.405.000 đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị K2:

Theo hiện trạng, hình dáng thửa đất của các cụ để lại là hình chữ L, bị bao bọc bởi các hộ giáp ranh, chỉ có một mặt giáp với đường đi của xóm, có tổng chiều dài cạnh giáp đường xóm là 20,48m; các đương sự yêu cầu chia đất bám theo mặt đường xóm. Cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về diện tích tối thiểu của thửa đất tại khu vực nông thôn để xác định nếu chia đều cho tất cả những người thừa kế bằng hiện vật thì các tiêu chuẩn về kích thước, hình thể thửa đất và giá trị sử dụng đất thực tế không đảm bảo nên chỉ chia cho bà N, ông K1 mỗi người được hưởng 77,1m² đất, diện tích đất còn lại 307,7m² giao cho vợ chồng ông L1 quản lý, sử dụng, trong đó có 76,4m² đất ông L1 bà L2 được hưởng công sức trôm nom, quản lý di sản và 77,1m² đất ông L1 được hưởng thừa kế và 154,2m² đất còn lại vợ chồng ông L1 phải thanh toán giá trị bằng tiền cho bà H1, bà K2 mỗi người là 42.405.000 đồng. Tuy nhiên, bà N, bà H1, bà K2 đều có quan điểm xin được giao sử dụng chung phần di sản thừa kế. Xét nguyện vọng của bà N, bà H1, bà K2 là chính đáng nên HĐXX có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà K2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho bà N, bà H1, bà K2 sử dụng phần di sản bằng hiện vật là 231,3m², giao ông K1 được sử dụng diện tích đất là 77,1m², giao cho ông L1, bà L2 sử dụng 153,5m². Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc chia cho bà N, bà H1, bà K2 được sử dụng 307,7m² đất ở, các bà trả phần chênh lệch cho ông L1, bà L2 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà K2 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị K2 (tên gọi khác: H2), sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Vũ Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đăng H2 và cụ Vũ Thị T ở Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đăng H2 và cụ Vũ Thị T để lại là giá trị quyền sử dụng 461,9m² đất thổ cư, tại thửa số 491 và thửa 522, tờ bản đồ số 6 (bản đồ đo vẽ năm 2001) tại Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; trị giá 254.045.000đồng.

+ Xác định người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ H2, cụ T là 05 người gồm: Ông Vũ Đăng K1, bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị H1, bà Vũ Thị K2 và ông Vũ Đăng L1.

+ Trích trả công sức trông nom, quản lý, bảo vệ di sản cho vợ chồng ông Vũ Đăng L1, bà Bùi Thị L2 là 76,4m² đất ở = 42.020.000đồng.

+ Xác định di sản còn lại của cụ H2, cụ T để phân chia theo pháp luật là 385,5m² đất ở, trị giá 212.025.000đồng cho ông K1, bà N, bà H1, bà K2 và ông L1.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà L2, ông L1 tự nguyện nhập phần công sức được hưởng và phần tài sản ông L1 được chia để ông bà sử dụng chung.

+ Giao cho bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị K2, bà Vũ Thị H1 được quản lý, sử dụng 231,3m² đất được giới hạn bởi các điểm KLXSGHI.

+ Giao cho ông Vũ Đăng K1 được quản lý, sử dụng 77,1m² đất được giới hạn bởi các điểm ABCQ.

+ Giao cho vợ chồng ông Vũ Đăng L1, bà Bùi Thị L2 được quản lý, sử dụng 153,5m² đất ở được giới hạn bởi các điểm CDEFSXOPQ.

Vị trí, hình thể, kích thước các cạnh theo sơ đồ kèm theo bản án.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị K2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THA huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hải Bằng